

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ  
TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**

*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 21

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Trần Toàn	Chủ tịch (bỏ nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2014)
Ông Lê Cự Tân	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2014)
Ông Lê Văn Ngà	Thành viên
Ông Phạm Hùng Phương	Thành viên
Ông Trần Hoài Đức	Thành viên
Ông Tô Ngọc Thụ	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Lê Văn Ngà	Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Dũng	Phó Giám đốc
Ông Tô Ngọc Thụ	Phó Giám đốc
Ông Phạm Hùng Phương	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**


Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

  
Lê Văn Ngà  
Giám đốc  
Ngày 11 tháng 8 năm 2014



Số: 117/VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa


Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 11 tháng 8 năm 2014, từ trang 3 đến trang 21. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



  
Vũ Thái Hòa  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0138-2013-001-1  
Thay mặt và đại diện cho  
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Ngày 11 tháng 8 năm 2014  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

  
Đặng Thị Lợi  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1529-2013-001-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia  
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>139.453.784.075</b>	<b>86.379.151.403</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>24.156.036.853</b>	<b>51.514.322.793</b>
1. Tiền	111		3.804.551.347	8.364.852.108
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.351.485.506	43.149.470.685
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>500.000.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		500.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>106.887.336.543</b>	<b>33.007.156.833</b>
1. Phải thu khách hàng	131		47.409.357.116	25.746.351.620
2. Trả trước cho người bán	132	5	60.047.410.779	737.649.600
3. Các khoản phải thu khác	135	6	1.307.693.869	8.360.241.061
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.877.125.221)	(1.837.085.448)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>6.338.838.713</b>	<b>1.347.621.401</b>
1. Hàng tồn kho	141		6.338.838.713	1.347.621.401
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.571.571.966</b>	<b>510.050.376</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		853.973.363	376.982.253
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		349.624.903	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		367.973.700	133.068.123
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 =220+260)	<b>200</b>		<b>391.576.612.200</b>	<b>387.326.616.627</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>391.107.134.494</b>	<b>386.316.351.003</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	377.993.063.476	386.231.186.766
- Nguyên giá	222		495.894.556.588	490.668.827.808
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(117.901.493.112)	(104.437.641.042)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	24.999.993	49.999.995
- Nguyên giá	228		311.989.714	311.989.714
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(286.989.721)	(261.989.719)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	13.089.071.025	35.164.242
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>469.477.706</b>	<b>1.010.265.624</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	469.477.706	1.010.265.624
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>531.030.396.275</b>	<b>473.705.768.030</b>

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia  
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>		<b>111.583.279.165</b>	<b>62.762.552.995</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>111.583.279.165</b>	<b>62.762.552.995</b>
1. Phải trả người bán	312		16.923.943.140	21.486.602.247
2. Người mua trả tiền trước	313	12	63.873.508.028	5.325.929.912
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	282.892.945	1.640.431.204
4. Phải trả người lao động	315		3.998.509.714	3.022.240.603
5. Chi phí phải trả	316		347.715.060	688.091.696
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	21.873.096.464	26.830.508.880
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.283.613.814	3.768.748.453
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>419.447.117.110</b>	<b>410.943.215.035</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>419.447.117.110</b>	<b>410.943.215.035</b>
1. Vốn cổ phần	411		400.000.000.000	400.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.171.641.621	2.780.464.227
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		573.227.654	173.779.067
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.702.247.835	7.988.971.741
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>531.030.396.275</b>	<b>473.705.768.030</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/6/2014	31/12/2013
1. Ngoại tệ các loại (Đô la Mỹ)	6.439,40	6.446,59


Nguyễn Văn Mạnh  
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Hoan  
Kế toán trưởngLê Văn Nga  
Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia  
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**MÀU SỐ B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
			đến 30/6/2014	đến 30/6/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		143.262.520.875	77.336.772.087
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	17	143.262.520.875	77.336.772.087
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	126.404.378.382	71.199.751.849
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		16.858.142.493	6.137.020.238
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.203.645.937	1.034.229.002
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.109.251.501	6.596.612.801
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-25)	30		9.952.536.929	574.636.439
8. Thu nhập khác	31		7.100.000	1.210.318.000
9. Chi phí khác	32		-	2.276.918
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		7.100.000	1.208.041.082
11. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		9.959.636.929	1.782.677.521
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	257.389.094	446.238.610
13. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		9.702.247.835	1.336.438.911
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	243	33


Nguyễn Văn Mạnh  
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Hoan  
Kế toán trưởngLê Văn Nga  
Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2014



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

MẪU SỐ B 03-DN  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.959.636.929	1.782.677.521
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	13.379.917.680	13.047.507.351
Các khoản dự phòng	03	40.039.773	47.260.839
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(1.477.116)	(2.116.408)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.202.168.821)	(1.032.112.594)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	22.175.948.445	13.843.216.709
Thay đổi các khoản phải thu	09	(74.504.749.963)	(20.430.161.070)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(4.991.217.312)	(17.844.433)
Thay đổi các khoản phải trả	11	51.248.852.970	(1.594.732.979)
Thay đổi chi phí trả trước	12	63.796.808	(395.703.819)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(879.657.143)	(87.961.363)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.505.546.007)	(1.266.945.820)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(9.392.572.202)	(9.950.132.775)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(18.669.359.675)	(3.740.779.518)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(500.000.000)	-
3. Tiền thu lãi tiền gửi	27	1.202.168.821	1.032.112.594
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.967.190.854)	(2.708.666.924)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30)	50	(27.359.763.056)	(12.658.799.699)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	51.514.322.793	33.020.144.762
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.477.116	2.116.408
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	<u>24.156.036.853</u>	<u>20.363.461.471</u>

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm số tiền 818.829.488 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.208.553.600 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên thay đổi các khoản phải trả.



Nguyễn Văn Mạnh  
 Người lập biểu



Nguyễn Hữu Hoan  
 Kế toán trưởng



Lê Văn Nga  
 Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2801448559 ngày 28 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 13 tháng 11 năm 2009, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Cổ đông chính và là công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “PTSC”).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 336 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 319 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến dịch vụ vận tải (cung cấp vật tư, thiết bị, thực phẩm phục vụ ngành dầu khí; dịch vụ đại lý tàu biển; cung cấp dịch vụ thử tải, dịch vụ hạ thủy, nâng hạng nặng, dịch vụ cân); bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (kinh doanh phân đạm và hóa chất phục vụ nông nghiệp; kinh doanh gỗ dăm, clinker và than quặng); bốc xếp hàng hóa (vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, kiểm đếm và giao nhận hàng hóa); dịch vụ lưu trú ngắn ngày (dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ); quản lý, điều hành kinh doanh và khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí, kinh doanh các dịch vụ cảng; kinh doanh vận tải đa phương thức trong và ngoài nước; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí; chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí; cung cấp dịch vụ kiểm tra không phá hủy, xử lý nhiệt trước và sau khi hàn; cho thuê máy móc thiết bị, xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; khai thác xử lý và cung cấp nước; thu gom rác thải; dịch vụ phòng trọ; dịch vụ đồ uống; nhà hàng và các dịch vụ khác; buôn bán vật liệu; thực phẩm; đồ uống; bán lẻ thực phẩm lương thực; vận tải đường bộ; kinh doanh bất động sản.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

250  
HI N  
ÔNG  
NH  
ELO  
IETS  
- TP



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 34
Máy móc và thiết bị	2 - 16
Phương tiện vận tải	2 - 3
Thiết bị văn phòng	2 - 5
Tài sản khác	4 - 15





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê.

**Công ty là bên cho thuê**

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**Công ty là bên đi thuê**

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị phần mềm máy tính. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong hai năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ và phí tên miền cho website của Công ty. Các khoản này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian hai năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành việc cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	963.458.290	693.176.866
Tiền gửi ngân hàng	2.841.093.057	7.671.675.242
Các khoản tương đương tiền	20.351.485.506	43.149.470.685
	<u>24.156.036.853</u>	<u>51.514.322.793</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn trong vòng 1 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam với lãi suất 6%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia  
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần cung ứng nhiên liệu Tàu biển VINA	50.852.210.579	-
Công ty Cổ Phần Thương Mại Tâm Việt	2.741.353.000	-
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - Công ty Cổ phần	2.909.660.286	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Công Nghiệp Tàu Thủy Thanh Hóa	934.288.000	-
Công ty TNHH Nhất Hà	740.462.413	-
Khác	1.869.436.501	737.649.600
	<b><u>60.047.410.779</u></b>	<b><u>737.649.600</u></b>

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu ban giải phóng mặt bằng Huyện Tĩnh Gia	20.000.000	20.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	330.000.000	-
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - Công ty Cổ phần	230.522.727	-
Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	397.582.650	-
Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn	-	8.176.795.455
Khác	329.588.492	163.445.606
	<b><u>1.307.693.869</u></b>	<b><u>8.360.241.061</u></b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	933.667.607	1.017.421.570
Công cụ, dụng cụ	536.479.988	330.199.831
Chi phí SXKD dở dang	1.626.154.603	-
Hàng hóa	3.242.536.515	-
	<b><u>6.338.838.713</u></b>	<b><u>1.347.621.401</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia  
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2014	441.049.185.653	40.831.907.660	1.242.344.248	5.304.961.385	2.240.428.862	490.668.827.808
Mua trong kỳ	-	4.597.910.598	627.818.182	-	-	5.225.728.780
Tại ngày 30/6/2014	<u>441.049.185.653</u>	<u>45.429.818.258</u>	<u>1.870.162.430</u>	<u>5.304.961.385</u>	<u>2.240.428.862</u>	<u>495.894.556.588</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2014	89.274.269.517	11.370.042.639	842.991.660	2.130.197.743	820.139.483	104.437.641.042
Khấu hao trong kỳ	11.092.280.188	1.745.784.972	209.677.974	310.563.636	105.545.300	13.463.852.070
Tại ngày 30/6/2014	<u>100.366.549.705</u>	<u>13.115.827.611</u>	<u>1.052.669.634</u>	<u>2.440.761.379</u>	<u>925.684.783</u>	<u>117.901.493.112</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 30/6/2014	<u>340.682.635.948</u>	<u>32.313.990.647</u>	<u>817.492.796</u>	<u>2.864.200.006</u>	<u>1.314.744.079</u>	<u>377.993.063.476</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>351.774.916.136</u>	<u>29.461.865.021</u>	<u>399.352.588</u>	<u>3.174.763.642</u>	<u>1.420.289.379</u>	<u>386.231.186.766</u>

Khấu hao trong kỳ được ghi nhận vào:

*Chi phí sản xuất kinh doanh**Quỹ phúc lợi hình thành tài sản cố định*

VND

13.354.917.678

108.934.392

13.463.852.070

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.452.062.197 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.605.438.855 đồng).

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**Phần mềm máy tính  
VND**NGUYÊN GIÁ**

Tại ngày 01/01/2014 và ngày 30/6/2014

311.989.714**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại ngày 01/01/2014

261.989.719

Khấu hao trong kỳ

25.000.002

Tại ngày 30/6/2014

286.989.721**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 30/6/2014

24.999.993

Tại ngày 31/12/2013

49.999.995



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia  
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Khu nhà công vụ phục vụ mở rộng cảng Nghi Sơn	35.164.242	35.164.242
Dự án thi công xây dựng đường bãi và mạng kỹ thuật	8.525.474.033	-
Giai đoạn 2 dự án cải tạo nhà Chuyên gia nhận từ khu vực Vinashin thành văn phòng cho thuê	1.230.834.273	-
Dự án xây dựng 02 xưởng chống ăn mòn 20x60m	2.558.002.363	-
Dự án cải tạo nhà chuyên gia từ khu vực Vinashin thành nhà nghỉ cho thuê	164.888.205	-
Dự án xây dựng xưởng cơ khí 20 x 36m	574.707.909	-
	<b><u>13.089.071.025</u></b>	<b><u>35.164.242</u></b>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tên miền website	9.530.500	11.020.250
Công cụ, dụng cụ	459.947.206	999.245.374
	<b><u>469.477.706</u></b>	<b><u>1.010.265.624</u></b>

**12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	57.114.891.480	-
Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	4.885.206.000	-
Nova Carriers (Singapore) Pte. Ltd	1.238.313.779	-
Công ty Cổ Phần FECON Nghi Sơn	-	4.275.742.100
Khác	635.096.769	1.050.187.812
	<b><u>63.873.508.028</u></b>	<b><u>5.325.929.912</u></b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	750.664.710
Thuế thu nhập doanh nghiệp	257.389.094	879.657.143
Thuế thu nhập cá nhân	25.503.851	10.109.351
	<b><u>282.892.945</u></b>	<b><u>1.640.431.204</u></b>

2-01  
HÀNH  
TỔNG  
KHOẢNG  
HỒ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢI DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia  
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Tình hình tăng giảm các khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong kỳ như sau:

	Tại ngày 01/01/2014 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Tại ngày 30/6/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	750.664.710	2.953.434.534	3.704.099.244	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	879.657.143	257.389.094	879.657.143	257.389.094
Thuế thu nhập cá nhân	10.109.351	50.207.736	34.813.236	25.503.851
<b>Tổng</b>	<b>1.640.431.204</b>	<b>3.261.031.364</b>	<b>4.618.569.623</b>	<b>282.892.945</b>

**14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Kinh phí Công đoàn	126.546.823	107.645.062
Tổng Công ty Cổ Phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	20.625.664.857	24.932.664.857
Các khoản phải trả khác	1.120.884.784	1.790.198.961
	<b>21.873.096.464</b>	<b>26.830.508.880</b>

Khoản phải trả Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Dầu khí Việt Nam liên quan đến tài sản chuyển giao cho Công ty giai đoạn trước cổ phần hóa và sẽ được Công ty thanh toán dần qua các năm tùy theo tình hình tài chính của Công ty. Khoản phải trả này không chịu lãi suất.

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	400.000.000.000	1.014.941.379	63.433.889	2.206.903.560	403.285.278.828
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(2.206.903.560)	(2.206.903.560)
Trích lập quỹ trong năm	-	1.765.522.848	110.345.178	-	1.875.868.026
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	7.988.971.741	7.988.971.741
Số dư tại ngày 31/12/2013	400.000.000.000	2.780.464.227	173.779.067	7.988.971.741	410.943.215.035
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	9.702.247.835	9.702.247.835
Trích lập quỹ trong kỳ	-	6.391.177.394	399.448.587	(7.988.971.741)	(1.198.345.760)
Số dư tại ngày 30/6/2014	400.000.000.000	9.171.641.621	573.227.654	9.702.247.835	419.447.117.110

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 273/NQ-DKTH-ĐHCĐ ngày 28 tháng 3 năm 2014, Công ty đã tiến hành phân phối toàn bộ lợi nhuận năm 2013 để trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền lần lượt là 6.391.177.394 đồng, 399.448.587 đồng và 1.198.345.760 đồng.

**Vốn cổ phần**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, tương đương 40.000.000 cổ phần thường với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn cổ phần đã được góp đủ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia  
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

	Tỷ lệ (%)	Vốn đã góp VND
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	54,69	218.773.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí	43,75	175.000.000.000
Các cổ đông khác	1,56	6.227.000.000
	<b>100</b>	<b>400.000.000.000</b>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

**16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Công ty hiện không có hơn một bộ phận cả theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chỉ hoạt động ở một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là quản lý, điều hành kinh doanh và khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí, kinh doanh các dịch vụ cảng; dịch vụ cảng và cung ứng hàng hóa, nhiên liệu và chỉ ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

**17. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Doanh thu bán hàng	90.168.693.439	42.827.620.312
Doanh thu cung cấp dịch vụ	53.093.827.436	34.509.151.775
	<b>143.262.520.875</b>	<b>77.336.772.087</b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	88.861.345.185	42.352.314.022
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	37.543.033.197	28.847.437.827
	<b>126.404.378.382</b>	<b>71.199.751.849</b>

**19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.094.499.766	3.237.834.529
Chi phí nhân công	16.935.696.860	10.538.637.148
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.379.917.680	13.047.507.351
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.515.716.298	6.872.883.901
Chi phí bằng tiền khác	1.353.616.586	1.774.853.267
	<b>47.279.447.190</b>	<b>35.471.716.196</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	9.959.636.929	1.782.677.521
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	195.000.000	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện</i>	506.716.000	-
<i>Trừ: Thu nhập được miễn thuế</i>	<u>(9.450.606.992)</u>	<u>2.276.918</u>
Thu nhập chịu thuế	1.210.745.937	1.784.954.439
Thuế suất thông thường	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	266.364.106	446.238.610
Điều chỉnh thuế TNDN năm 2012	<u>(8.975.012)</u>	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>257.389.094</u></b>	<b><u>446.238.610</u></b>

Đối với hoạt động chính, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) kể từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2009). Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm kể từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) và được giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm (9 năm) tiếp theo.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

**21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lãi để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.702.247.835	1.336.438.911
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	<u>40.000.000</u>	<u>40.000.000</u>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>243</u></b>	<b><u>33</u></b>

**22. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG**

**Cam kết thuế hoạt động - Công ty là bên đi thuê**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	<u>1.955.269.718</u>	<u>1.012.134.534</u>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có phát sinh hợp đồng thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia  
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	2.427.872.762	3.336.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.511.248.624	-
	<u><u>5.939.121.386</u></u>	<u><u>-</u></u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tiền thuê xe cần cầu, thuê bánh xích và xe nâng của Công ty TNHH Lexim và Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí.

**Cam kết thuê hoạt động - Công ty là bên cho thuê**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động tương ứng tiền thuê tối thiểu trong tương lai nhận được từ các bên đi thuê, với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	7.787.791.327	8.445.231.200
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	20.276.296.159	24.855.397.467
Sau năm năm	19.613.930.117	26.155.500.000
	<u><u>47.678.017.603</u></u>	<u><u>59.456.128.667</u></u>

Công ty cho thuê hoạt động bao gồm cho thuê văn phòng và thuê kho bãi với điều kiện không hủy ngang. Bên đi thuê phải thanh toán các khoản tiền thuê cố định căn cứ trên các hợp đồng thuê đã được ký.

**23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn cổ phần, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.156.036.853	51.514.322.793
Phải thu khách hàng và phải thu khác	46.839.925.764	32.269.507.233
Đầu tư tài chính ngắn hạn	500.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<u><u>71.495.962.617</u></u>	<u><u>83.783.830.026</u></u>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	38.670.492.781	46.722.449.781
Chi phí phải trả	347.715.060	688.091.696
<b>Tổng cộng</b>	<u><u>39.018.207.841</u></u>	<u><u>47.410.541.477</u></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 137.163.906 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 135.760.655 đồng).

***Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ***

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ không ảnh hưởng trọng yếu.

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu và hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

1251  
H N  
:ON  
INH  
ELC  
IET  
TF



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia  
Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2014

Dưới 1 năm  
VND

Tiền và các khoản tương đương tiền	24.156.036.853
Phải thu khách hàng và phải thu khác	46.839.925.764
Đầu tư tài chính ngắn hạn	500.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>71.495.962.617</b>

Phải trả người bán và phải trả khác	38.670.492.781
Chi phí phải trả	347.715.060
<b>Tổng cộng</b>	<b>39.018.207.841</b>

**Chênh lệch thanh khoản thuần** **32.477.754.776**

31/12/2013

Dưới 1 năm  
VND

Tiền và các khoản tương đương tiền	51.514.322.793
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.269.507.233
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>83.783.830.026</b>

Phải trả người bán và phải trả khác	46.722.449.781
Chi phí phải trả	688.091.696
<b>Tổng cộng</b>	<b>47.410.541.477</b>

**Chênh lệch thanh khoản thuần** **36.373.288.549**

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

**Danh sách các bên liên quan**

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	Công ty trong cùng Tập đoàn		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Công ty trong cùng Tổng Công ty		
Công ty Cổ phần Phân bón & Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	Công ty trong cùng Tập đoàn		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí	Công ty trong cùng Tập đoàn		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Công ty trong cùng Tập đoàn		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	Công ty trong cùng Tập đoàn		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu Nờm PVOIL Miền Bắc	Công ty trong cùng Tập đoàn		
Công ty Cổ phần Giám định Năng Lượng Việt Nam (EIC)	Công ty trong cùng Tập đoàn		
Công ty TNHH MTV Kiểm Định Kỹ Thuật An Toàn Dầu Khí Việt Nam - PV EIC	Công ty trong cùng Tập đoàn		
Công ty TNHH Khách sạn Dầu Khí PTSC	Công ty trong cùng Tổng Công ty		
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Công ty trong cùng Tổng Công ty		
Công ty bảo hiểm PVI Thanh Hóa	Công ty trong cùng Tập đoàn		
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	Công ty trong cùng Tổng Công ty		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Công ty trong cùng Tổng Công ty		
		Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
		đến 30/6/2014	đến 30/6/2013
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Bán hàng, dịch vụ</b>			
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	2.153.949.050		-
Công ty Cổ phần Phân bón & Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	1.393.606.602		1.716.334.305
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	81.761.640		-
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Khí Thái Bình	-		7.440.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	1.127.531.453		14.389.523
Công ty Cổ phần Giám định Năng Lượng Việt Nam (EIC)	60.000.000		-
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí Miền Nam	428.898.733		-
<b>Mua hàng, dịch vụ</b>			
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	6.899.841.501		3.500.542.046
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	12.343.800		2.693.250
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	438.906.078		1.359.028.382
Công ty bảo hiểm PVI Thanh Hóa	815.764.665		-
Công ty TNHH MTV Kiểm Định Kỹ Thuật An Toàn Dầu Khí Việt Nam - PV EIC	49.181.819		-

002-C  
H  
Y  
ƯU H  
A  
T  
E  
M  
CHỈ



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**

Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia

Tỉnh Thanh Hóa, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**Báo cáo tài chính****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*


Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:


	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>Phải thu</b>		
Công ty Cổ phần Phân bón & Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	-	53.372.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	431.590.390	-
Công ty Cổ phần Giám định Năng Lượng Việt Nam (EIC)	66.000.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí Miền Nam	125.515.280	-
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam</b>	<b>-</b>	<b>767.894.840</b>
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	57.114.891.480	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	4.885.206.000	-
<b>Phải thu khác</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	330.000.000	-
<b>Phải trả và phải trả khác</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	20.625.664.857	24.932.664.857
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	381.506.600	396.708.350
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (EIC)	39.760.000	-
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	1.460.524.591	1.977.727.907


**Thu nhập của Ban Giám đốc**

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Tiền lương và thu nhập khác	644.280.456	402.542.834

  
 Nguyễn Văn Mạnh  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Hữu Hoan  
 Kế toán trưởng

  
 Lê Văn Nga  
 Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2014